



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 38

Ngày 01 tháng 7 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 06-6-2014 - Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 23-6-2014 - Chỉ thị số 11/2014/CT-UBND về tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. 13

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 16-6-2014 - Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân Huyện với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện. 18

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

05-6-2014 - Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Cử Chi.

28

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

20-6-2014 - Quyết định số 3036/QĐ-UBND về tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

39

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

19-6-2014 - Quyết định số 6675/QĐ-UBND bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.

70

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1644/TTr-GDĐT-TC ngày 22 tháng 5 năm 2014 và Tờ trình số 1726/TTr-GDĐT-TC ngày 29 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - Ngành Thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định chi tiết trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục và các ngành liên quan trong việc quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; việc cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm; thu, quản lý và sử dụng tiền học thêm và công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Văn bản này áp dụng đối với người dạy thêm, người học thêm và các tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm hoặc có liên quan đến hoạt động dạy thêm, học thêm. Việc phụ đạo cho những học sinh học lực yếu, kém, bồi dưỡng học sinh giỏi thuộc trách nhiệm của nhà trường, không thu tiền của học sinh, không coi là dạy thêm, học thêm.

Chương II

VIỆC CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY THÊM, HỌC THÊM

Điều 2. Thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm đối với các trường hợp tổ chức dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông, giấy phép sử dụng con dấu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ủy quyền cho Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm đối với các trường hợp tổ chức dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình tiểu học, trung học cơ sở hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học cơ sở, giấy phép sử dụng con dấu của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thông báo công khai quy trình, thủ tục cấp giấy phép dạy thêm, học thêm tại nơi tiếp công dân của cơ quan, trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo và bố trí điện thoại dùng để tiếp nhận ý kiến phản ánh về việc dạy thêm, học thêm.

Điều 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm

Các tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm phải thực hiện đầy đủ hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm; hồ sơ, quy trình, thủ tục cấp giấy phép dạy thêm, học thêm có trên trang web của Sở Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ www.hcm.edu.vn/phongTCCB (các biểu mẫu chỉ mang tính tham khảo, không bắt buộc).

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm được lập thành một bộ (01 bộ) và nộp trực tiếp tại Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo Điều 2 Quy định này.

Thời hạn, thu hồi giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm; đình chỉ hoạt động dạy thêm, học thêm được thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.

Chương III

VIỆC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN HỌC THÊM

Điều 4. Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường

1. Thu tiền học thêm để chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy thêm, công tác quản lý dạy thêm, học thêm của nhà trường; chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm;

2. Mức thu tiền học thêm do thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với nhà trường

nhưng không vượt quá mức trần được phép thu quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Quy định này;

3. Nhà trường tổ chức thu, chi và công khai thanh, quyết toán tiền học thêm thông qua bộ phận tài vụ của nhà trường; giáo viên dạy thêm không trực tiếp thu, chi tiền học thêm. Mức chi và tỷ lệ phân bổ chi phải được thông qua Hội đồng trường và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của đơn vị.

4. Tùy tình hình thực tế ở mỗi trường có thể tổ chức dạy thêm, học thêm vào các buổi khác nhau trên nguyên tắc không gây ảnh hưởng đến các lớp học chính khóa, không tổ chức dạy thêm, học thêm vào các ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, nghỉ tết; mỗi học sinh học thêm không quá 06 tiết/môn học/tuần và không quá 18 tiết/tuần. Thời gian cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Bắt đầu từ 7 giờ 00, kết thúc trước 11 giờ 00;
- Buổi chiều: Bắt đầu từ 14 giờ 00, kết thúc trước 17 giờ 00;
- Buổi tối: Bắt đầu từ 18 giờ 00, kết thúc trước 20 giờ 30.

5. Quy mô: Mỗi lớp học thêm trong nhà trường có không quá 45 học sinh.

Điều 5. Các trường hợp miễn cấp phép

1. Cá nhân giáo viên hoặc những người dạy kèm cho học sinh theo yêu cầu của cha mẹ học sinh được miễn cấp giấy phép dạy thêm, nhưng phải báo cáo bằng văn bản với thủ trưởng cơ quan quản lý giáo viên đó (đối với trường hợp người dạy kèm là giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập) đồng thời phải báo cáo và cam kết với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi đặt điểm dạy kèm, thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường và có trách nhiệm giữ gìn trật tự, an ninh, đảm bảo vệ sinh môi trường nơi tổ chức dạy kèm.

2. Đối với người dạy kèm là giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập thì phải thực hiện đúng quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 4 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.

Điều 6. Đối với dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường

1. Mức thu tiền học thêm do thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm, học thêm.

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm, học thêm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về quản lý tài chính đối với tiền học thêm. Công khai mức thu tiền học thêm, khi thu phải cấp biên lai thu tiền cho từng học sinh theo quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP, CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CÁC NGÀNH CÓ LIÊN QUAN TRONG VIỆC QUẢN LÝ DẠY THÊM, HỌC THÊM

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai, đôn đốc, nhắc nhở, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm và Quy định này.

2. Cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm cho cá nhân, tổ chức theo quy định. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình cấp phép và quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm.

3. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan quy định tại Điều 8 Quy định này và các cơ quan, ban, ngành khác có liên quan tổ chức phổ biến, thanh tra, kiểm tra về nội dung dạy thêm, học thêm; phòng ngừa và xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện quản lý dạy thêm, học thêm cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo khi kết thúc năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở - ngành có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hội, đoàn thể Thành phố

1. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn mức thu (quy định rõ mức trần học phí đối với trường hợp dạy thêm, học thêm trong nhà trường), nội dung chi tiền học thêm, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính, công tác thu, chi từ hoạt động dạy thêm, học thêm;

2. Sở Tư pháp: chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền và phổ biến pháp luật về dạy thêm, học thêm để phụ huynh, học sinh biết thực hiện.

3. Thanh tra Thành phố: thực hiện thanh tra hành chính đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề có liên quan đến việc tổ chức dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố.

4. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Sở - ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các Hội, Đoàn thể Thành phố: Tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên, cha mẹ học sinh thực hiện đúng Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo quy định.

2. Chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn để phát hiện các sai phạm, kịp thời xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn, đảm bảo an toàn, trật tự tại các điểm hoạt động dạy thêm, học thêm và xác nhận hồ sơ xin cấp hoặc gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm cho các tổ chức và cá nhân theo quy định.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 10. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện

1. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định. Triển khai thực hiện đúng quy trình, thủ tục cấp giấy phép dạy thêm; ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình cấp phép và quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, huyện về việc quản lý dạy thêm, học thêm trong nhà trường và ngoài nhà trường của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

3. Phổ biến, chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở các trường, các tổ chức và cá nhân liên quan thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm.

4. Tổ chức hoặc phối hợp với các ban, ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra nội dung dạy thêm, học thêm; phát hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

5. Tổng hợp kết quả thực hiện dạy thêm, học thêm báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo khi kết thúc năm học hoặc báo cáo theo yêu cầu đột xuất.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

1. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thường xuyên giám sát hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn, đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự tại các điểm tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm.

2. Có trách nhiệm xác nhận hồ sơ xin cấp hoặc gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân quận, huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Điều 12. Trách nhiệm của Hiệu trưởng và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục

1. Thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Phổ biến, quán triệt các văn bản có liên quan về dạy thêm, học thêm cho toàn thể cán bộ, giáo viên thuộc đơn vị mình quản lý. Giám sát việc chấp hành quy định về dạy thêm, học thêm; xử lý nghiêm các trường hợp giáo viên ép học sinh học thêm dưới bất cứ hình thức nào.

3. Quản lý và đảm bảo quyền của người học thêm, người dạy thêm. Nếu tạm ngừng hoặc chấm dứt dạy thêm phải báo cáo cơ quan cấp phép và thông báo công khai cho người học thêm biết trước ít nhất là 30 ngày. Hoàn trả các khoản tiền đã thu của người học thêm tương ứng với phần dạy thêm không thực hiện, thanh toán đầy đủ kinh phí với người dạy thêm và các tổ chức, cá nhân liên quan.

4. Quản lý, lưu giữ và xuất trình khi được thanh tra, kiểm tra hồ sơ dạy thêm, học thêm bao gồm: hồ sơ cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm; hồ sơ

tài chính có đầy đủ chứng từ thu, chi, hóa đơn, biên lai thu học phí; danh sách người dạy thêm; danh sách người học thêm; thời khóa biểu dạy thêm; đơn xin học thêm.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của chính quyền, của cơ quan có trách nhiệm quản lý giáo dục các cấp trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với cơ quan quản lý

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 13. Thanh tra, kiểm tra

1. Hoạt động dạy thêm, học thêm chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý giáo dục, của các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành có liên quan, của chính quyền các cấp theo quy định tại Nghị định số 42/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của thanh tra giáo dục; Thông tư số 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCP-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp các Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, trong việc hướng dẫn, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố. Trong trường hợp cần thiết phải lập đoàn thanh tra, kiểm tra, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phải quán triệt các thành viên của đoàn thanh tra phải làm đúng chức trách nhiệm vụ, có thái độ ứng xử đúng mực khi thực thi công vụ.

Điều 14. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy định về dạy thêm, học thêm, được cơ quan quản lý giáo dục và chính quyền địa phương công nhận có nhiều đóng góp tích cực cho việc triển khai thực hiện Quy định này, góp phần nâng cao chất lượng học tập của học sinh sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quản lý vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức; Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức và các quy định hiện hành khác.

4. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm phê bình, nhắc nhở, xử lý kỷ luật kịp thời cán bộ, giáo viên thuộc quyền quản lý khi cán bộ, giáo viên có vi phạm các quy định về dạy thêm, học thêm.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này và các quy định của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, vượt quá thẩm quyền, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2014/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2014

CHỈ THỊ

Về tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện

Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013

**của Chính phủ quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ luật
Lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc**

Ngày 18 tháng 6 năm 2012, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua Bộ luật Lao động 2012 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013. Nhằm cụ thể hóa Khoản 3, Điều 63 của Bộ luật Lao động, ngày 19 tháng 6 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2013 quy định chi tiết về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Nghị định số 60/2013/NĐ-CP nêu rõ: người sử dụng lao động công khai kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tình hình sản xuất kinh doanh; quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động, định mức, trợ cấp thôi việc, mất việc, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; điều lệ hoạt động của doanh nghiệp; nội dung thỏa ước lao động tập thể; trích nộp và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ do người lao động đóng góp; tình hình trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động; công khai tài chính hàng năm của doanh nghiệp... Trên cơ sở đó doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị phải tổ chức đối thoại với người lao động mỗi quý một lần là yếu tố quan trọng để giúp người lao động và người sử dụng lao động hiểu nhau hơn, hạn chế mâu thuẫn, tranh chấp trong quan hệ lao động và người lao động cảm thấy được quan tâm, từ đó gắn bó hơn với doanh nghiệp.

Việc triển khai quán triệt Nghị định số 60/2013/NĐ-CP góp phần nâng cao hiểu biết về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, từ đó giúp người sử dụng lao động hiểu rõ hơn việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, giúp người lao động và người sử dụng lao động hiểu nhau hơn, kịp thời giải quyết ngay những vấn đề bức xúc của người lao động, hạn chế tranh chấp lao động, ngừng việc xảy ra. Để tiếp tục đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của người lao động tại các doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị như sau:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, xây dựng kế hoạch, chương trình và nội dung tuyên truyền phổ biến Nghị định số 60/2013/NĐ-CP đến người sử dụng lao động, người lao động để nâng cao nhận thức và hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động. Nội dung tuyên truyền cần được xây dựng phù hợp với từng đối tượng tuyên truyền;

b) Tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ đến người sử dụng lao động;

c) Phối hợp với Liên đoàn Lao động Thành phố và các cơ quan có liên quan, định kỳ tổ chức giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo quy định và đề xuất khen thưởng những trường hợp thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Thực hiện thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý đối với những trường hợp người sử dụng lao động cố tình không thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo quy định;

d) Theo dõi, đôn đốc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này; chịu trách nhiệm báo cáo trước Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp.

2. Liên đoàn Lao động Thành phố:

a) Tổ chức tuyên truyền sâu rộng và xây dựng Kế hoạch quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ tới các cấp công đoàn, tới toàn thể người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

b) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng đối thoại, giải quyết tranh chấp lao động cho chủ doanh nghiệp. Hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 03 tháng một lần, đảm bảo thời gian 12 tháng tổ chức Hội nghị người lao động một lần.

c) Đôn đốc, kiểm tra Liên đoàn Lao động các quận - huyện; công đoàn ngành; công đoàn Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất; công đoàn trong các doanh nghiệp về việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Hàng quý xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra công đoàn cơ sở trong việc giám sát thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các doanh nghiệp.

d) Định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị cho cơ quan thường trực là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Liên minh Hợp tác xã Thành phố; Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố:

a) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nội dung của Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở tại nơi làm việc và các văn bản pháp luật có liên quan đến thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động làm việc theo hợp đồng lao động thuộc phạm vi quản lý. Tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của tổ chức tập thể, cá nhân theo quy định của pháp luật, nhất là việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của doanh nghiệp, tránh hình thức, phô trương.

b) Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đoàn thể trong triển khai, thực hiện Nghị định; phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động trong thực hành dân chủ; xây dựng phương thức làm việc theo hướng dân chủ công khai.

c) Định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị cho cơ quan thường trực là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Khi phát hiện những trường hợp vi phạm các quy định về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc cần báo cáo kịp thời cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động Thành phố để xử lý theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố:

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền phổ biến Nghị định số 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp.

b) Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường số lượng tin, bài viết về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

c) Phối hợp với các tổng công ty, công ty có nhu cầu thực hiện giải pháp kết nối thông tin về công khai thông tin tài chính theo quy định.

d) Định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị cho cơ quan thường trực là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Sở Tài chính:

Hướng dẫn các doanh nghiệp do nhà nước là chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động công khai tài chính theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể ở địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn quản lý; hướng dẫn xây dựng quy chế dân chủ cơ sở, quy chế đối thoại tại nơi làm việc, quy chế tổ chức hội nghị người lao động; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

b) Thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình thực hiện Chỉ thị này về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Kịp thời khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực, có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện tốt quy định về quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc ở địa phương.

7. Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc theo hợp đồng lao động:

a) Xây dựng và thực hiện công khai minh bạch quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động; tôn trọng, bảo đảm các quyền dân chủ của người lao động tại nơi làm việc. Thường xuyên rà soát quy chế, quy định, thực hiện công khai quy chế đến từng công nhân lao động.

b) Ban hành quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc và tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 03 tháng một lần để trao đổi, thảo luận các nội dung quy định đã được đề ra trong quy chế; khoảng cách giữa hai lần đối thoại định kỳ liền kề tối đa không quá 90 ngày. Hội nghị người lao động được tổ chức 12 tháng một lần.

c) Người sử dụng lao động có trách nhiệm niêm yết công khai biên bản cuộc đối thoại định kỳ tại nơi làm việc tại doanh nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội sản xuất và đăng tải trên hệ thống truyền thanh, thông tin nội bộ hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Chỉ thị có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 16 tháng 6 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP
ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân Huyện
với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 53/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố;

Xét Báo cáo thẩm định số 326/BC-TP ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Trưởng Phòng Tư pháp và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ, tại Tờ trình số 363/TTr-NV ngày 04 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện Nghị

định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân Huyện với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện trong việc bảo đảm cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện tham gia quản lý Nhà nước.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Trưởng Công an Huyện, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quy chế này.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn xã, thị trấn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Trưởng Công an Huyện, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tươi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP
ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân Huyện
với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mối quan hệ công tác phối hợp giữa Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Bình Chánh trong việc bảo đảm cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện tham gia quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân Huyện và các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện là mối quan hệ phối hợp trên nguyên tắc tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân Huyện và các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, kinh phí, phương tiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện tham gia quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động có liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới trên địa bàn Huyện.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Huyện

1. Mời Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện

a) Tham gia thảo luận hoặc gửi dự thảo văn bản để Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện góp ý kiến khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội, trật tự an toàn xã hội tại Huyện liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia với Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với các đối tượng phụ nữ, trẻ em và vấn đề bình đẳng giới;

c) Tham gia là thành viên chính thức trong các tổ chức tư vấn (Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý,...) liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới trên các lĩnh vực;

d) Tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát của tổ chức tư vấn cấp Huyện về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện tổ chức các cuộc họp, đối thoại với cán bộ, hội viên phụ nữ để thu thập ý kiến về tình hình thực hiện chủ trương, luật pháp, chính sách; nghiên cứu, xem xét và xử lý các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện về cơ chế, chính sách, hỗ trợ kinh phí, điều kiện và phương tiện làm việc, các hoạt động gây quỹ Hội, tổ chức sản xuất, dịch vụ, hỗ trợ phụ nữ giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến sự tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ phù hợp với luật pháp, chính sách của Nhà nước.

4. Chỉ đạo các tổ chức tư vấn (Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý, Hội đồng,...) và các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn Huyện và Điều 4 của Quy chế phối hợp.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện

1. Mời Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện

a) Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em; các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội thuộc chức năng quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia cùng Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục, pháp luật Huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật, trợ giúp pháp lý trong các tầng lớp phụ nữ, trẻ em và vấn đề bình đẳng giới;

c) Tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phụ nữ, trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới trong các lĩnh vực có liên quan.

2. Tạo điều kiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện tham gia quản lý Nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 29, 30 của Luật bình đẳng giới và Điều 32, 33 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Ngoài quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Thủ trưởng các đơn vị Lực lượng vũ trang Huyện (Công an Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Ban Chỉ huy Quân sự Huyện) có chế độ hỗ trợ về kinh phí, điều kiện và phương tiện làm việc, các hoạt động gây quỹ, hỗ trợ nữ cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến sự tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ phù hợp với luật pháp, chính sách của Nhà nước.

4. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1, 2 và Khoản 3 Điều này; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện liên quan đến phong trào phụ nữ và hoạt động Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện, tạo điều kiện thuận lợi để Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện tham gia quản lý Nhà nước trong việc triển khai, thực hiện các chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em; các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội thuộc chức năng quản lý theo quy định của pháp luật như:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Tăng cường phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện triển khai, thực hiện bình đẳng giới trên các lĩnh vực lao động, việc làm; thực hiện có hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015”, thực hiện Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Huyện về triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 trên địa bàn huyện Bình Chánh và Chương trình liên tịch triển khai nhân rộng mô hình “Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người hoàn lương và phụ nữ bị buôn bán trên địa bàn Huyện” giai đoạn 2011 - 2015.

b) Phòng Giáo dục và Đào tạo: Triển khai thực hiện có hiệu quả Tiểu Đề án 2, theo Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt

Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” trong hệ thống các trường học (giai đoạn 2010 - 2015) theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Huyện tại Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2012 và tăng cường phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện triển khai thực hiện Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Huyện về thực hiện Đề án “Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt” (giai đoạn 2010 - 2015) trên địa bàn huyện Bình Chánh; Đề án 704 của Chính phủ về “Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt” gắn với cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; phối hợp thực hiện công tác bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, trách nhiệm và phẩm chất đạo đức cho người nuôi giữ trẻ tại các nhóm trẻ trên địa bàn.

c) Phòng Y tế: Tổ chức các hoạt động truyền thông lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia về dân số - kế hoạch hóa gia đình; phối hợp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe ban đầu; dinh dưỡng; an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng, chống HIV/AIDS; triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Phụ nữ cả nước thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm vì sức khỏe gia đình và cộng đồng”.

d) Phòng Tư pháp: Chủ trì xây dựng Kế hoạch phối hợp giữa Phòng Tư pháp và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện về việc đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật, giai đoạn 2013 - 2017 trên địa bàn Huyện; chủ trì, phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân ở nông thôn, giai đoạn 2013 - 2016 trên địa bàn Huyện.

đ) Phòng Văn hóa và Thông tin: Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện triển khai, thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Chương trình phối hợp về việc đẩy mạnh công tác vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững, giai đoạn 2012 - 2015; lồng ghép tuyên truyền 6 tiêu chí xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với các tiêu chuẩn Gia đình văn hóa và các danh hiệu văn hóa của khu dân cư trên địa bàn Huyện; Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Tiểu Đề án 3, Đề án 343 của Chính phủ về “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Huyện tại Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2012.

e) Phòng Kinh tế: Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện xây dựng Kế hoạch tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Xây dựng nông thôn mới;

Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn; Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, phong trào “Người kinh doanh mới” trong tiểu thương; tăng số lượng Cửa hàng liên kết Hội Phụ nữ - Co.op tham gia có hiệu quả Chương trình bình ổn thị trường của Huyện hàng năm; tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng kinh doanh cho tiểu thương và nữ Doanh nghiệp; Phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường, Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện thực hiện Kế hoạch liên tịch số 10-KH-LT giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế về phối hợp thực hiện Chương trình liên tịch “Phát huy vai trò Phụ nữ trong tham gia bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững”, giai đoạn 2012 - 2016.

g) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch liên tịch số 10-KH-LT giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế về phối hợp thực hiện Chương trình liên tịch “Phát huy vai trò Phụ nữ trong tham gia bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững”, giai đoạn 2012 - 2016.

h) Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện: Phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu bố trí lịch họp định kỳ giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện; tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn Huyện giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện theo quy định.

i) Công an Huyện: phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết liên tịch số 01/NQLT-BCA-HLHPNVN về “Quản lý, giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội trên địa bàn Huyện giai đoạn 2012 - 2017”; Phối hợp các hoạt động tuyên truyền đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn Huyện.

k) Ban Chỉ huy Quân sự Huyện: Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện đẩy mạnh Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh và thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, tăng cường các hoạt động kết nghĩa, thăm hỏi các đơn vị quân đội tại địa phương.

l) Phòng Tài chính - Kế hoạch: Bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em được bố trí từ ngân sách Nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức.

m) Đài Truyền thanh Huyện: Tăng cường phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ

Huyện triển khai, thực hiện chuyên mục “Phát thanh phụ nữ” tăng cường chất lượng, nội dung tin, bài về phong trào phụ nữ và hoạt động Hội, giáo dục giá trị truyền thống của phụ nữ Việt Nam, nêu gương người tốt, việc tốt; phê phán những biểu hiện phân biệt đối xử với phụ nữ.

5. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ cụ thể quy định trong Quy chế phối hợp này có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của Phòng Nội vụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện

1. Trách nhiệm của Phòng Nội vụ

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 3, 4 Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị định 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

c) Tham mưu báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn Huyện; đồng thời phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện bố trí lịch họp định kỳ giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện; tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn Huyện giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện theo quy định.

2. Trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện

a) Cử đại diện tham gia các hoạt động quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Chủ động, nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị các biện pháp, chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới; cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới;

c) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong việc thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới;

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và trách nhiệm của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

đ) Hướng dẫn, hỗ trợ các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ trên địa bàn Huyện thực hiện có hiệu quả Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ; tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em; chủ động phối hợp với các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, địa phương phát hiện và giải quyết các nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, buôn bán phụ nữ và trẻ em, hôn nhân có yếu tố nước ngoài thiếu lành mạnh, xâm hại tình dục trẻ em, bất bình đẳng giới;

e) Tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ chấp hành và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hưởng ứng các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân Huyện đề ra;

g) Vận động phụ nữ phấn đấu vượt mọi khó khăn, cải thiện kinh tế gia đình, góp phần tích cực trong thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Huyện và Thành phố, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân;

h) Tham gia xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị của Huyện, giai đoạn 2011 - 2015, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cán bộ Hội về quản lý Nhà nước, kiến thức pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt, phát huy tốt vai trò tham mưu của tổ chức Hội;

i) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Huyện, các đơn vị ngành dọc, Công an Huyện, Ban chỉ huy Quân sự Huyện, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Huyện tham gia các đoàn kiểm tra những vấn đề liên quan đến chính sách, đời sống, sức khỏe, việc làm, quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em;

k) Chủ động về nội dung, kế hoạch, tổng hợp các kiến nghị của Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ sở, để kịp thời tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết trong các buổi họp định kỳ hàng năm giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện.

Điều 6. Chế độ làm việc giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện

1. Định kỳ 6 tháng, Thường trực Ủy ban nhân dân Huyện làm việc với Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện chế độ, chính sách và những kiến nghị, đề xuất về các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ, trẻ em và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; đồng thời thảo luận và xây dựng kế hoạch phối hợp cho các hoạt động trong năm tiếp theo.

2. Nội dung làm việc định kỳ giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện, gồm các nội dung cụ thể:

a) Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện tình hình hoạt động Hội và phong trào phụ nữ Huyện; tâm tư, nguyện vọng, dư luận của các tầng lớp phụ nữ qua việc triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Kiểm điểm việc thực hiện Quy chế và Kế hoạch phối hợp hàng năm giữa Ủy ban nhân dân Huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện.

c) Ủy ban nhân dân Huyện thông báo tình hình kinh tế - xã hội của Huyện và giải quyết những kiến nghị do Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện đề xuất.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết

Ủy ban nhân dân Huyện tổ chức hội nghị sơ kết ở cấp Huyện và 5 năm một lần tiến hành việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn Huyện và gửi báo cáo sơ, tổng kết về Sở Nội vụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tươi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2014/QĐ-UBND

*Củ Chi, ngày 05 tháng 6 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động
của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;

Căn cứ Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về thành lập Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi;

Xét ý kiến thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp huyện tại Văn bản số 67/PTP ngày 11 tháng 3 năm 2014;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 459/TTr-PNV ngày 28 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6592/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Củ Chi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Tư pháp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Cử Chi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Cử Chi do Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi thành lập nhằm giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, tổ chức thi hành các quyết định hành chính và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

2. Đội Quản lý trật tự đô thị huyện trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện, đồng thời chịu sự hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở - ngành liên quan.

3. Đội Quản lý trật tự đô thị huyện được sử dụng con dấu và tài khoản của Phòng Quản lý đô thị huyện để hoạt động, được trang bị phương tiện làm việc cần thiết theo qui định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý trật tự đô thị và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, tham mưu Trưởng Phòng

Quản lý đô thị trình Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện;

2. Tham mưu trình Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện kế hoạch tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tổ chức, cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực:

- a) Về trật tự lòng lề đường, nơi công cộng trên địa bàn huyện;
- b) Về vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện.

3. Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật và Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định hành chính đã ban hành, đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

4. Các quyết định hành chính gồm: Quyết định hành chính có nội dung về giải quyết các vấn đề liên quan đến nhà, đất của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân huyện; quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện, Thành phố hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn huyện; các quyết định hành chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Tuân tra, phát hiện và thông báo kịp thời đến Đội Thanh tra xây dựng địa bàn thuộc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tình hình xây dựng trên địa bàn xã, thị trấn.

6. Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Đội;

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quy định cụ thể bằng văn bản.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có Đội trưởng, từ 1 đến 3 Đội phó và các thành viên.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Đội trưởng, Đội phó do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có thể do Phó Trưởng Phòng Quản lý đô thị kiêm nhiệm (trong số lượng cấp phó phòng theo quy định) chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Quản lý đô thị và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị.

4. Đội phó Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thực hiện nhiệm vụ do Đội trưởng phân công, chịu trách nhiệm trước Đội trưởng và pháp luật về lĩnh vực được phân công.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội trưởng:

a) Tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực được phân công.

b) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức triển khai, thực hiện cưỡng chế thi hành các quyết định hành chính đã có hiệu lực thi hành.

c) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đội đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội; kịp thời phối hợp với Đội Thanh tra xây dựng địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong thực thi nhiệm vụ; tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện những vấn đề phức tạp, phát sinh khi thi hành quyết định.

d) Tham mưu (hoặc ký) các văn bản liên quan chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đội theo quy định.

đ) Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xử lý cán bộ, công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội phó:

Đội phó có nhiệm vụ giúp Đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng.

7. Nhiệm vụ của các thành viên:

a) Chấp hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội, sự phân công của Đội trưởng, Đội phó phụ trách.

b) Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định trong lĩnh vực phụ trách (công chức đang thi hành công vụ) chuyển Đội trưởng xử lý theo quy định và tham gia tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thuộc chỉ tiêu biên chế hành chính của huyện, được bố trí theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm.

2. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn trực thuộc Đội Quản lý trật tự đô thị huyện.

3. Ủy ban nhân dân huyện quyết định số lượng cộng tác viên phù hợp điều kiện đặc thù của huyện và thực hiện hợp đồng lao động khoán việc trên cơ sở nguồn kinh phí quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương

1. Đối với công chức, hợp đồng tạm tuyển hiện đang hưởng lương ngạch, bậc công chức hành chính tiếp tục hưởng theo quy định.

2. Đối với cộng tác viên: Thực hiện hợp đồng lao động khoán việc theo quy định của Bộ luật Lao động, mức lương khoán theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo

1. Mức phụ cấp chức vụ như sau:

- Đội trưởng hưởng hệ số: 0,25

- Đội phó hưởng hệ số: 0,20

2. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm trước khi sắp xếp Đội Quản lý trật tự đô thị huyện còn dưới 6 tháng, thì được hưởng bảo lưu phụ cấp

chức vụ cũ đủ 6 tháng; trường hợp trên 6 tháng thì bảo lưu mức phụ cấp chức vụ đến hết thời hạn đã được bổ nhiệm.

3. Kinh phí giải quyết bảo lưu phụ cấp chức vụ đối với các chức danh trên do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 7. Trang phục

1. Trợ cấp trang phục: Mỗi năm trợ cấp 02 bộ.

2. Trang phục:

- Áo màu xanh da trời nhạt, có cầu vai, 2 túi có nắp và khuy cài;
- Nón, quần màu xanh đậm;
- Thẻ đeo có dán ảnh (tương tự thẻ cán bộ, công chức).

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Tiền phạt thu từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính do Đội Quản lý trật tự đô thị huyện tham mưu xử lý phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Trên cơ sở số tiền thu được, đơn vị thụ hưởng xây dựng dự toán về mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, chi cộng tác viên và các nhiệm vụ khác chưa được ngân sách đảm bảo, để Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện căn cứ quy định và hướng dẫn của Sở Tài chính trong từng lĩnh vực cụ thể quyết định cấp lại số thu phạt cho đơn vị theo dự toán với mức tối đa 100% số thu từ xử phạt vi phạm hành chính được nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Nguồn thu do trích từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng của Đội Thanh tra xây dựng do Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp thực hiện nhiệm vụ liên quan theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chương V

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 9. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thực hiện thời gian làm việc theo quy định pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện; xây dựng quy chế làm việc của Đội Quản lý trật tự đô thị theo quy định.

b) Đội trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của Đội và chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về hiệu quả công tác của Đội. Đội trưởng phân công công việc cho Đội phó và các thành viên.

c) Thành viên Đội Quản lý trật tự đô thị được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc đồng thời phải đeo thẻ thành viên Đội khi thi hành nhiệm vụ.

d) Thành viên Đội Quản lý trật tự đô thị chịu trách nhiệm thi hành quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân huyện, quy chế làm việc của Đội; có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Đội, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

2. Chế độ hội họp, báo cáo:

a) Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị huyện hàng tuần tổ chức họp Đội để kiểm tra, đánh giá, nhận xét thực hiện công việc tuần qua và triển khai nhiệm vụ tuần tới. Hàng tháng tổ chức giao ban với Đội Thanh tra xây dựng địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để trao đổi tình hình thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và phổ biến các chủ trương, kế hoạch, biện pháp mới của Ủy ban nhân dân huyện nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Đội trưởng có quyền tổ chức họp Đội đột xuất để triển khai các công việc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện.

c) Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cuối năm, Đội thống kê tình hình thực hiện các quyết định hành chính và báo cáo sơ, tổng kết công tác đối với Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 10. Mọi quan hệ công tác

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có mọi quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Đội chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện. Đội trưởng trực tiếp nhận sự chỉ đạo và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với Trưởng Phòng Quản lý đô thị:

Đội trưởng chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị.

3. Đối với Đội Thanh tra xây dựng địa bàn:

a) Đội thực hiện tuần tra, phát hiện và thông báo kịp thời bằng văn bản về tình hình xây dựng trên địa bàn cho Đội Thanh tra xây dựng địa bàn.

b) Đội Thanh tra xây dựng địa bàn có trách nhiệm cử cán bộ trực ban tiếp nhận thông tin (có sổ ghi chép đầy đủ) của Đội Quản lý trật tự đô thị chuyển đến và báo cáo Đội trưởng Đội Thanh tra xây dựng địa bàn xử lý theo quy định.

c) Phối hợp thi hành cưỡng chế các công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

4. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Đội có trách nhiệm phối hợp phát hiện, thông báo kịp thời bằng văn bản với Phòng Tài nguyên và Môi trường, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm để xử lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí và các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...) bảo đảm cho Đội hoạt động có hiệu quả.

6. Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có trách nhiệm phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chương trình quản lý đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn huyện khi có yêu cầu.

7. Đối với Công an huyện:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị huyện phối hợp với Công an huyện thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông theo sự phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

b) Được Công an huyện hỗ trợ, bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự trong khi thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

8. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thường phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, chính trị - xã hội huyện trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên các lĩnh vực liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội.

b) Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Đội, Đội trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

c) Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định. Trong phối hợp giải quyết công việc, nếu có ý kiến khác nhau mà sau khi trao đổi, bàn bạc chưa thống nhất được những vấn đề quan trọng, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị huyện phải báo cáo kịp thời để Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết.

9. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Đội tổ chức kiểm tra tình hình trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền trên địa bàn xã, thị trấn; Thực hiện tuần tra, phát hiện và thông báo kịp thời về tình hình xây dựng trên địa bàn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân (hoặc Phó Chủ tịch).

10. Đối với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn:

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện phối hợp tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên các lĩnh vực liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội; Xử lý kịp thời những thông tin liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phát hiện, phản ánh.

Chương VI **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 11. Khen thưởng

Đội Quản lý trật tự đô thị, thành viên Đội có thành tích trong công tác thì được Đội trưởng đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện báo cáo đề nghị Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Kỷ luật

Đội Quản lý trật tự đô thị, thành viên Đội có hành vi vi phạm quy định pháp luật, vi phạm quy chế làm việc, không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo Luật Cán bộ, công chức, Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật liên quan hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, các cơ quan tổ chức có liên quan, Đội Quản lý trật tự đô thị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, và các cơ quan, tổ chức có liên quan ở xã, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, có sơ kết việc thực hiện quy chế, rút kinh nghiệm những mặt làm được, chưa làm được, Đội Quản lý trật tự đô thị đề xuất những vấn đề mới phát sinh theo yêu cầu nhiệm vụ, đề xuất bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3036/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực
và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học; Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Thông tư số 54/2011/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường cao đẳng;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1787/TTr-GDDĐT-VP ngày 04 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Hiệu trưởng các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng thuộc Thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TIÊU CHÍ

**Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND

ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Xây dựng mô hình tiên tiến, hiện đại và hội nhập, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu của xã hội; tiếp cận được với giáo dục ở các nước trong khu vực và quốc tế nhưng vẫn đảm bảo mang đậm bản sắc dân tộc.

b) Tham gia đào tạo đội ngũ học sinh năng động, có năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

c) Góp phần đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công.

d) Tạo điều kiện để một số cơ sở giáo dục có điều kiện trở thành nhân tố tiên phong trong quá trình xây dựng nền giáo dục tiên tiến, hiện đại.

đ) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của một số cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu:

a) Đạo đức: giáo dục học sinh những giá trị đạo đức cơ bản phù hợp với nền văn hóa dân tộc như yêu nước, trung thực, có lòng nhân ái, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; ý thức chấp hành luật pháp và những giá trị đạo đức mang tính cộng đồng thế giới như ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội; tinh thần đoàn kết quốc tế...

b) Tri thức: được trang bị những kiến thức hiện đại về khoa học tự nhiên, khoa

học xã hội và nhân văn; những kỹ năng thực tế để làm chủ cuộc sống bản thân và hòa nhập cộng đồng; kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học đủ để có thể làm việc ở môi trường quốc tế; những kỹ năng nghiên cứu, tìm tòi về khoa học; kỹ năng ứng dụng lý thuyết để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tế.

c) Sức khỏe: học sinh được hướng dẫn để hiểu biết về thân thể; việc giữ gìn và bảo vệ sức khỏe; việc rèn luyện để tăng cường thể chất; cách phòng chống dịch bệnh của thời đại và bảo vệ sức khỏe trong tình trạng ô nhiễm môi trường sống xung quanh.

d) Thẩm mỹ: được trang bị những kiến thức cơ bản về âm nhạc, hội họa,... hướng dẫn học sinh biết hưởng thụ văn hóa, thẩm mỹ; biết cảm nhận cái đẹp từ đó nâng cao giá trị tinh thần.

đ) Tác phong: được hình thành tác phong hiện đại, văn minh phù hợp với xu thế quốc tế.

3. Đối tượng áp dụng: Các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng công lập thuộc Thành phố quản lý.

II. TIÊU CHÍ CỤ THỂ TỪNG BẬC HỌC

1. MẦM NON

Xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh một hệ thống trường mầm non có chất lượng tốt, chăm sóc giáo dục trẻ từ 1 đến 6 tuổi. Tại đây trẻ có cơ hội phát triển tốt nhất về thể lực, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, trong một môi trường sống an toàn, thân thiện, có cơ hội hoạt động tích cực.

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Công tác quản lý

a) Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lối làm việc trong trường mầm non;

b) Nhà trường có tổ chức định kỳ các hoạt động chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ sáng kiến chăm sóc giáo dục trẻ giữa các giáo viên trong hội đồng;

c) Xây dựng môi trường thân thiện, giáo viên đoàn kết gắn bó, có quan hệ tốt với phụ huynh và địa phương. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Ban Giám hiệu và cán bộ, giáo viên, công nhân viên được chăm sóc tốt về đời sống vật chất, tinh thần, có chế độ khen thưởng thích đáng hàng tháng.

2. Công tác tổ chức

a) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có thời gian làm công tác quản lý ít nhất là 5 năm đối với Hiệu trưởng và 3 năm đối với các Phó Hiệu trưởng; có bằng tốt nghiệp từ đại học sư phạm mầm non trở lên, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục và lý luận chính trị theo quy định;

b) Ban giám hiệu và giáo viên ứng dụng được công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dạy học. Xây dựng môi trường sinh hoạt, học tập đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mầm non;

c) Ban giám hiệu có khả năng báo cáo chuyên đề và bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, phân công sắp xếp đội ngũ hợp lý để phát huy khả năng của từng cá nhân.

3. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trong trường mầm non

a) Thành lập các hội đồng, tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

b) Các tổ chức Đảng (nếu có), Công đoàn, Đoàn Thanh niên của trường mầm non hoạt động hiệu quả có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;

c) Thực hiện cơ chế quản lý tự chủ, thỏa thuận với cha mẹ học sinh khi cung cấp dịch vụ chất lượng cao.

4. Chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; đảm bảo Quy chế dân chủ công khai trong hoạt động của nhà trường.

Tiêu chuẩn 2: Đội ngũ giáo viên, nhân viên

1. Số lượng và trình độ đào tạo

Đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo quy định Điều lệ trường mầm non. 100% giáo viên tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên. Cấp dưỡng có bằng kỹ thuật viên sơ cấp hoặc trung cấp nấu ăn, bếp trưởng tối thiểu có bằng trung cấp nấu ăn, có y sĩ hoặc bác sĩ. Có thể có thêm hợp đồng với nhà tư vấn về tâm lý giáo dục trẻ em. Nhân viên nuôi dưỡng (bảo mẫu - cấp dưỡng) có chứng chỉ đào tạo.

2. Phẩm chất, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) 80% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, trong đó ít nhất 30% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quận, huyện trở lên;

b) 80% số giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến và có 20% chiến sĩ thi đua từ cấp cơ sở trở lên. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, không có giáo viên yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ;

c) 80% số giáo viên đạt loại khá trở lên theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó có ít nhất 50% số giáo viên đạt loại xuất sắc; không có giáo viên bị xếp loại kém.

3. Hoạt động chuyên môn

a) Các tổ chuyên môn hoạt động theo quy định của Điều lệ trường mầm non; Nhà trường có tổ chức định kỳ các hoạt động chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ sáng kiến chăm sóc giáo dục trẻ giữa các giáo viên trong hội đồng. Giáo viên hàng năm được tu nghiệp nâng cao trình độ, được tham quan giao lưu, học tập kinh nghiệm trong, ngoài nước;

b) Giáo viên tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, chuyên đề và hoạt động xã hội do trường mầm non tổ chức hoặc phối hợp tổ chức; Mỗi giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ trong từng năm học;

c) Giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong việc lập kế hoạch giáo dục trẻ và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

Tiêu chuẩn 3: Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ

a) 100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tổ chức cho trẻ ăn bán trú; được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non;

b) 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

c) Tỷ lệ chuyên cân của trẻ: đạt 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 90% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác;

d) 95% trẻ phát triển bình thường về cân nặng và chiều cao theo tuổi;

đ) 100% trẻ bị suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng;

e) 98% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. 100% trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Tiêu chuẩn 4: Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị

1. Số lượng trẻ và số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong trường mầm non đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

2. Diện tích mặt bằng sử dụng của trường mầm non bình quân tối thiểu cho một trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Diện tích sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp. Có cây xanh, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, tạo bóng mát sân trường. Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ cây cối và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Sân vườn có ít nhất 10 loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có khu chơi giao thông và sân khấu ngoài trời.

3. Khối phòng chức năng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học có đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và được cập nhật ngày càng hiện đại; phòng vi tính: có diện tích tối thiểu 40m² với thiết bị công nghệ thông tin phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, học tập của trẻ; phòng hội trường: có diện tích tối thiểu 70m² phục vụ các hoạt động ngày hội, ngày lễ; có thể kết hợp là nơi trưng bày hiện vật truyền thống, lưu niệm, tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi tự làm... của nhà trường.

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện xã hội hóa giáo dục

1. Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Hội đồng giáo dục cấp cơ sở, các ban ngành về chủ trương xây dựng và giải pháp huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.

2. Tổ chức các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non: các hoạt động tuyên truyền dưới nhiều hình thức để tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng và nhân dân về mục tiêu giáo dục mầm non; phối hợp với gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ và tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được vui chơi, học tập;

3. Huy động được sự tham gia tự nguyện của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm tăng cường cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; huy động được các nguồn tài trợ để hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ thông qua các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan học tập trong và ngoài nước.

Tiêu chuẩn 6: Yêu cầu đặc trưng của trường mầm non tiên tiến, hiện đại

Ngoài sự cam đoan về phát triển trẻ theo chuẩn mầm non từng lứa tuổi do Bộ

Giáo dục và Đào tạo ban hành, một số dịch vụ khả thi có thể cung ứng cho phụ huynh với sự cam đoan về mức độ đạt được trong trường mầm non tiên tiến, hiện đại nhằm phát triển toàn diện cho trẻ như:

1. Trường được đánh giá đạt cấp độ 2 về kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề cấp quận, cấp thành phố, là địa chỉ tin cậy, uy tín của ngành và phụ huynh học sinh.

3. Dịch vụ cung ứng:

a) Hoạt động làm quen ngoại ngữ, âm nhạc, vẽ, thể dục, bơi, đá bóng, võ thuật...

b) Các hoạt động ngoài nhà trường để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

c) Tư vấn tâm lý.

d) Tạo điều kiện phát triển cho trẻ có năng khiếu hoặc có năng khiếu đặc biệt.

2. TIỂU HỌC

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Công tác quản lý đạt hiệu quả cao, được cha mẹ học sinh và địa phương tin nhiệm, uy tín của nhà trường trong cộng đồng được nâng cao.

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường

a) Thành lập các hội đồng, tổ chức bộ máy theo quy định hiện hành tại Điều lệ trường tiểu học;

b) Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác theo quy định hiện hành tại Điều lệ trường tiểu học;

2. Thực hiện tốt công tác quản lý trường học, xây dựng tốt khối đoàn kết nội bộ.

3. Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; đảm bảo Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

4. Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo Điều lệ trường tiểu học, các quy định của pháp luật, của ngành. Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

5. Thực hiện cơ chế quản lý tự chủ, thỏa thuận với cha mẹ học sinh khi cung cấp dịch vụ chất lượng cao.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ theo quy định, kể cả giáo viên bộ môn, 70% có trình độ trên chuẩn; nhanh chóng tiếp cận được các phương pháp dạy học mới, hiện đại và có tinh thần mạnh dạn áp dụng các phương pháp đó. Được tổ chức tham quan học tập, bồi dưỡng hằng năm và có chế độ tu nghiệp sau 3 đến 5 năm để cập nhật, nắm bắt một cách có hệ thống những điểm mới của ngành.

1. Năng lực của cán bộ quản lý

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng giỏi, có trình độ, bản lĩnh, nhiệt tâm, thân thiện, có kinh nghiệm điều hành và có ý chí vươn lên, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, làm đầu tàu cho đội ngũ sư phạm nhà trường. Biết chủ động và phát huy khả năng của đội ngũ để đẩy mạnh hoạt động dạy học trong nhà trường. Thực hiện tốt việc tự chủ và phân cấp quản lý đến từng giáo viên.

2. Số lượng, trình độ đào tạo của giáo viên

Đảm bảo số lượng, trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị theo quy định.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên

a) Có 100% giáo viên đạt chuẩn và 70% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn;

b) Có ít nhất 60% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, trong đó ít nhất 30% giáo viên đạt danh hiệu dạy giỏi cấp huyện trở lên; không có giáo viên yếu kém về chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Có ít nhất 75% giáo viên đạt loại khá trở lên, trong đó có ít nhất 25% giáo viên đạt loại xuất sắc theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học;

d) Có ít nhất 90% giáo viên được xếp loại khá, giỏi về bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có ít nhất 30% giáo viên được xếp loại giỏi về bồi dưỡng thường xuyên, không có giáo viên không hoàn thành kế hoạch;

đ) Giáo viên dạy Tiếng Anh phải đạt trình độ B2, giáo viên Tin học phải đạt chuẩn quốc tế theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Nhà trường có nhân viên phụ trách và hoàn thành các nhiệm vụ; được bảo đảm các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước về kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế trường học, viên chức làm công tác thiết bị dạy học.

5. Học sinh: Bảo đảm quy định về tuổi học sinh theo quy định hiện hành tại Điều lệ trường tiểu học; Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và không bị kỉ luật.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo điều lệ trường Tiểu học, đảm bảo cho việc tổ chức dạy học, số học sinh trong mỗi lớp không quá 30 học sinh đều được học 2 buổi/ngày.

1. Diện tích, khuôn viên, sân chơi, sân tập, cổng trường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, sân tập đảm bảo đúng theo quy định. Đối với những trường ở nội thành đã được xây dựng từ năm 1997 trở về trước, đảm bảo $6m^2$ /học sinh tính theo diện tích mặt bằng sử dụng. Số lớp trong một trường không quá 30 lớp, số học sinh trong mỗi lớp không quá 30 học sinh.

2. Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh thực hiện phù hợp với tình hình học sinh.

3. Khối phòng chức năng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học có đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học và được cập nhật ngày càng hiện đại. Phần đầu xây dựng được hồ bơi tại trường.

4. Khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo quy chuẩn.

5. Thư viện đạt chuẩn theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn thư viện các trường phổ thông, được công nhận là thư viện Tiên tiến, thiết bị dạy học có đầy đủ theo quy định và sử dụng có hiệu quả.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Việc phối hợp 3 môi trường giáo dục phải đạt hiệu quả qua sự hỗ trợ của chính quyền và nhân dân trong địa phương đối với hoạt động giáo dục của nhà trường.

1. Tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh có hiệu quả.

2. Công tác tham mưu của nhà trường với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng có hiệu quả, đem đến sự thuận lợi và điều kiện tốt cho công tác giáo dục, dạy học của trường.

3. Thực hiện công khai các nguồn thu của nhà trường theo quy định. Huy động được sự đóng góp về công sức và tiền của của các tổ chức, cá nhân và gia đình để xây

dựng cơ sở vật chất; bổ sung phương tiện, thiết bị dạy và học; khen thưởng giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi và hỗ trợ học sinh nghèo.

4. Được xã hội công nhận qua chất lượng đào tạo và các hoạt động sáng tạo, được cha mẹ học sinh mong muốn gửi con vào học, có uy tín trong nhân dân địa phương.

5. Hoạt động của Hội đồng Giáo dục địa phương, Ban đại diện Cha Mẹ học sinh có hiệu quả.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Chất lượng giáo dục được khẳng định không chỉ qua kết quả lên lớp, hoàn thành chương trình tiểu học mà học sinh phải phát huy được những khả năng của bản thân học sinh qua kết quả các hoạt động.

1. Thực hiện chương trình giáo dục tiểu học, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương.

2. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường đạt hiệu quả giáo dục cao.

3. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh

a) Tỷ lệ học sinh xếp loại giáo dục từ trung bình trở lên đạt 100%;

b) Tỷ lệ học sinh xếp loại xếp loại giáo dục khá, giỏi đạt ít nhất 90%; trong đó, loại giỏi đạt ít nhất 70%;

c) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm học đạt ít nhất 95%;

d) Có 50% học sinh đạt chuẩn tiếng Anh và Tin học theo chuẩn quốc tế theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường

5. Hiệu quả đào tạo của nhà trường

a) Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

b) Có 100% học sinh học 2 buổi/ngày, học sinh được chọn các môn học ngoại khóa, các hoạt động phù hợp với bản thân và nhu cầu của gia đình. Việc tổ chức dạy học buổi thứ hai theo cách thức cung cấp dịch vụ chất lượng cao có thu phí theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động, bồi dưỡng năng khiếu theo khả năng của học sinh. Học sinh phải được hướng dẫn theo tinh thần tự học, sáng tạo,

thông minh và có tư duy tốt, được tổ chức các hoạt động phát huy hết các khả năng của từng học sinh;

c) Có học sinh tham gia và đạt giải các hội thi, giao lưu do các cấp tổ chức.

6. Giáo dục kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập. Thực hiện giáo dục toàn diện phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học: được học mà vui, được tìm hiểu theo nhu cầu, được phát huy các khả năng của từng học sinh, được sống trong môi trường sư phạm thân thiện.

7. Đạt danh hiệu trường tiểu học tiên tiến; Được tiếp cận và hội nhập quốc tế.

Tiêu chuẩn 6: Đảm bảo các hoạt động của trường Tiên tiến - Hiện đại - Hội nhập

Trường Tiên tiến - Hiện đại - Hội nhập đối với cấp tiểu học là trường giáo dục toàn diện, thân thiện, an toàn, đảm bảo các điều kiện dạy học, vận hành theo cơ chế mở, cung cấp dịch vụ chất lượng cao trên tinh thần tự nguyện và đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và học sinh.

1. Đạt các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục với mức độ cao.

2. Áp dụng mô hình trường học mới, đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện các phương pháp dạy học tích cực, xây dựng tinh thần tự học và tự quản cho học sinh.

3. Cung cấp các dịch vụ theo nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh như tổ chức bán trú, học 2 buổi/ngày, tổ chức xe đưa đón học sinh, nhà tập luyện thể dục thể thao, dạy tiếng Anh với chất lượng cao đạt các chuẩn Quốc tế.

3. TRUNG HỌC CƠ SỞ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Lớp học

a) Đảm bảo đủ các khối lớp của cấp học;

b) Số phòng học đủ cho học sinh học 2 buổi/ngày;

c) Sĩ số học sinh/lớp: tối đa không quá 30 học sinh.

2. Tổ chuyên môn

a) Các tổ chuyên môn được thành lập và hoạt động theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là Điều lệ trường trung học);

b) Hàng năm, mỗi tổ chuyên môn thực hiện được ít nhất một chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và được đánh giá tốt;

c) Có kế hoạch chi tiết và cụ thể tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập, hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động hòa nhập với cộng đồng và giao lưu quốc tế;

d) Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi giáo viên và của cả tổ chuyên môn; đạt các quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;

3. Tổ Văn phòng

a) Đảm bảo thực hiện và phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học;

b) Quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học và những quy định trong hướng dẫn sử dụng của từng loại sổ.

4. Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học; hoạt động có kế hoạch, nền nếp, đạt hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường. Có quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường và được phê duyệt thực hiện.

5. Tổ chức Đảng trong nhà trường đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường được công nhận vững mạnh về tổ chức, có nhiều đóng góp trong các hoạt động ở địa phương.

6. Thực hiện đánh giá kiểm định chất lượng nhà trường đạt cấp độ 3.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; được cấp quản lý giáo dục trực tiếp đánh giá xếp loại xuất sắc theo quy định hiện hành về chuẩn hiệu trưởng trường trung học.

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có tinh thần mạnh dạn đổi mới, xây dựng được các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn nhằm xây dựng nhà trường theo hướng tiên tiến, hiện đại, học sinh có năng lực hành động thực tiễn trong bối cảnh đất nước ngày càng phát triển và hội nhập với thế giới.

2. Có đủ giáo viên các bộ môn đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, trong

đó ít nhất 20% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn; có 100% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp cơ sở trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học; hiểu biết và vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thường xuyên hướng dẫn học sinh vận dụng được kiến thức chuyên môn vào việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

3. 100% giáo viên đạt trình độ chứng chỉ A2 ngoại ngữ Anh, trong đó có ít nhất 20% đạt trình độ chứng chỉ B1 ngoại ngữ Anh;

100% giáo viên Tiếng Anh đạt trình độ B2;

100% giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và học tập nâng cao trình độ; trong đó có 50% đạt chuẩn quốc tế theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo;

100% giáo viên có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng và thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học; có khả năng hướng dẫn học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn cuộc sống; có khả năng giao tiếp với các đồng nghiệp trong nước và quốc tế để trao đổi về chuyên môn; có kiến thức về các kỹ năng sống cần thiết để hỗ trợ các lực lượng trong và ngoài nhà trường giáo dục học sinh phát triển toàn diện.

4. Có đủ viên chức phụ trách thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học được đào tạo hoặc bồi dưỡng đủ năng lực nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chuẩn 3: Chất lượng giáo dục

Một năm trước khi được công nhận và trong thời gian được công nhận trường trung học cơ sở tiên tiến, hiện đại và hội nhập, tối thiểu phải đạt các chỉ tiêu sau:

1. Chất lượng giáo dục

a) Học lực: 100% học sinh xếp loại từ trung bình trở lên.

Trong đó:

- Số học sinh xếp loại giỏi đạt từ 20% trở lên;

- Số học sinh xếp loại khá giỏi: đạt từ 70% trở lên;

- Tỷ lệ học sinh vào học các trường trung học phổ thông và trung cấp (trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp kỹ thuật, trung cấp nghề...) sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở: 100%.

b) Hạnh kiểm: 100% học sinh xếp loại từ trung bình trở lên. Trong đó, số học sinh xếp loại khá, tốt đạt từ 90% trở lên.

c) Đền cuối cấp học, số học sinh sử dụng được tiếng Anh (cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) đạt trình độ A2: trên 90%.

d) Số học sinh có kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin: tin học văn phòng, sử dụng web, kỹ năng giao tiếp trên mạng: 100%, trong đó 50% học sinh đạt chuẩn tin học quốc tế theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

đ) Số học sinh tham gia các hoạt động học tập gắn với thực tiễn cuộc sống (tham gia các hoạt động dạy học tích cực, dạy học theo dự án, nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống...): trên 90%.

e) Số học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng (tham gia các đội công tác xã hội, các câu lạc bộ đội, nhóm về văn hóa nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, ...), thường xuyên tham gia rèn luyện về thể dục thể thao: trên 90%.

2. Các hoạt động giáo dục

a) Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời gian tổ chức, nội dung các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài giờ lên lớp;

b) Tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh, dạy tăng cường Tin học, dạy Toán và Khoa học bằng tiếng Anh theo chương trình chuẩn của quốc tế, học sinh có thể tham gia thi kiểm tra trình độ theo chứng chỉ có giá trị quốc tế;

c) Tổ chức các hoạt động dạy học gắn với thực tiễn cuộc sống: triển khai các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo viên và học sinh;

d) Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện: giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức và hòa nhập với cộng đồng, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh,...;

đ) Tổ chức Phòng tư vấn học đường, nhân sự của phòng có nghiệp vụ chuyên môn, duy trì hoạt động của phòng thường xuyên và có hiệu quả;

e) Có kế hoạch tổ chức, triển khai và duy trì phong trào xây dựng Trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Tiêu chuẩn 4: Tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

1. Thực hiện quy định công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, quản lý tài chính, tài sản, tự chủ tài chính, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ của nhà trường theo quy định hiện hành.

Thực hiện thu, chi tài chính và công khai đầy đủ theo các quy định hiện hành.

2. Khuôn viên nhà trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp. Đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

a) Các trường khu vực nội thành có diện tích sử dụng ít nhất từ 4 m²/học sinh;

b) Các trường khu vực ngoại thành có diện tích sử dụng ít nhất từ 8 m²/học sinh;

3. Có đầy đủ cơ sở vật chất theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học. Cơ cấu các khối công trình trong trường bao gồm:

a) Khu phòng học:

- Có đủ số phòng học cho mỗi lớp học; diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đúng quy cách; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn, có đủ không gian để thực hiện các loại hình hoạt động và học tập;

- Phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu và màn hình (hoặc tivi LCD, tivi plasma); máy vi tính nối mạng, máy in. Mỗi phòng học được trang bị tủ lớn đảm bảo mỗi học sinh một ngăn để đựng dụng cụ học tập cá nhân.

b) Khu phục vụ học tập:

- Có đầy đủ các phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Quy định về phòng học bộ môn; phòng thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm với đầy đủ trang thiết bị dạy học;

- Có kế hoạch trang bị dần các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu: xây dựng phòng học ngoại ngữ và các phòng học bộ môn khác; trang bị các bộ thực hành thí nghiệm về khoa học kỹ thuật có các thiết bị sensor và hệ thống kết nối, xử lý bằng máy vi tính; phòng thực hành khoa học kỹ thuật cho hoạt động nghiên cứu khoa học...

- Có phòng y tế trường học đảm bảo theo quy định hiện hành;

- Có thư viện theo tiêu chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện trường học, xây dựng thêm thư viện sách, báo, tạp chí bằng tiếng Anh, phát triển nguồn tư liệu điện tử đáp ứng yêu cầu tham khảo của giáo viên và học sinh;

- Có phòng truyền thống; hội trường lớn; khu luyện tập thể dục thể thao; nhà thi đấu đa năng; phòng làm việc của đoàn thể; khu vực cho các hoạt động giáo dục thẩm mỹ (nhạc, họa, nhiếp ảnh, điêu khắc, nặn tượng...);

c) Khu văn phòng: Có phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, văn phòng nhà trường, phòng họp hội đồng giáo dục nhà trường, phòng họp từng tổ bộ môn, phòng thường trực, kho;

d) Khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây xanh bóng mát;

đ) Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, riêng cho giáo viên, học sinh nam, học sinh nữ, không làm ô nhiễm môi trường ở trong và ngoài nhà trường;

e) Có khu để xe của giáo viên, khu để xe của học sinh theo từng khối lớp hoặc từng lớp trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo trật tự, an toàn;

g) Có đủ nước sạch cho các hoạt động dạy học, nước sử dụng cho giáo viên, học sinh; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh;

h) Có đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy đúng quy cách, được cơ quan chức năng kiểm định và thường xuyên bảo trì, kiểm tra theo quy định;

i) Đảm bảo được nhu cầu về ăn, ở cho học sinh bán trú.

4. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có website thông tin của nhà trường trên mạng internet và hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý nhà trường.

Tiêu chuẩn 5: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

1. Nhà trường chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương thực hiện những biện pháp nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

2. Ban đại diện Cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh, hoạt động có hiệu quả trong việc kết hợp với nhà trường và xã hội đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm duy trì, giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt được của nhà trường.

3. Mọi quan hệ và thông tin giữa nhà trường, gia đình và xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

4. Huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường.

4. TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Lớp học

- a) Đảm bảo đủ các khối lớp của cấp học;
- b) Số phòng học đủ cho học sinh học 2 buổi/ngày;
- c) Sĩ số học sinh/lớp: tối đa không quá 30 học sinh.

2. Tổ chuyên môn

a) Các tổ chuyên môn được thành lập và hoạt động theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là Điều lệ trường trung học);

b) Hàng năm, mỗi tổ chuyên môn thực hiện được ít nhất một chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và được đánh giá tốt;

c) Có kế hoạch chi tiết và cụ thể tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập, hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động hòa nhập với cộng đồng và giao lưu quốc tế;

d) Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi giáo viên và của cả tổ chuyên môn; đạt các quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

3. Tổ văn phòng

a) Đảm bảo thực hiện và phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học.

b) Quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học và những quy định trong hướng dẫn sử dụng của từng loại sổ.

4. Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học; hoạt động có kế hoạch, nền nếp, đạt hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường. Có quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường và được phê duyệt thực hiện.

5. Tổ chức Đảng trong nhà trường đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Các

đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường được công nhận vững mạnh về tổ chức, có nhiều đóng góp trong các hoạt động ở địa phương.

6. Thực hiện đánh giá kiểm định chất lượng nhà trường đạt cấp độ 3.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; được cấp quản lý giáo dục trực tiếp đánh giá xếp loại xuất sắc theo quy định hiện hành về chuẩn hiệu trưởng trường trung học.

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có tinh thần mạnh dạn đổi mới, xây dựng được các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn nhằm xây dựng nhà trường theo hướng tiên tiến, hiện đại, học sinh có năng lực hành động thực tiễn trong bối cảnh đất nước ngày càng phát triển và hội nhập với thế giới.

2. Có đủ giáo viên các bộ môn đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó ít nhất 20% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn; có 100% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp cơ sở trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học; hiểu biết và vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thường xuyên hướng dẫn học sinh vận dụng được kiến thức chuyên môn vào việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

3. 100% giáo viên đạt trình độ chứng chỉ B1 ngoại ngữ Anh, trong đó có ít nhất 20% đạt trình độ chứng chỉ B2 ngoại ngữ Anh;

100% giáo viên tiếng Anh đạt trình độ C1;

100% giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và học tập nâng cao trình độ; trong đó có 70% đạt chuẩn quốc tế theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo;

100% giáo viên có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng và thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học; có khả năng hướng dẫn học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn cuộc sống; có khả năng giao tiếp với các đồng nghiệp trong nước và quốc tế để trao đổi về chuyên môn; có kiến thức về các kỹ năng sống cần thiết để hỗ trợ các lực lượng trong và ngoài nhà trường giáo dục học sinh phát triển toàn diện.

4. Có đủ viên chức phụ trách thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học được đào tạo hoặc bồi dưỡng đủ năng lực nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chuẩn 3: Chất lượng giáo dục

Một năm trước khi được công nhận và trong thời gian được công nhận trường trung học phổ thông tiên tiến, hiện đại và hội nhập, tối thiểu phải đạt các chỉ tiêu sau:

1. Chất lượng giáo dục

a) Học lực: 100% học sinh xếp loại từ trung bình trở lên.

Trong đó:

- Số học sinh xếp loại giỏi đạt từ 20% trở lên;

- Số học sinh xếp loại khá giỏi: đạt từ 70% trở lên;

- Tỷ lệ học sinh vào Đại học, Cao đẳng sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông: trên 90%.

b) Hạnh kiểm: 100% học sinh xếp loại từ trung bình trở lên. Trong đó, số học sinh xếp loại khá, tốt đạt từ 90% trở lên.

c) Đến cuối cấp học, số học sinh sử dụng được tiếng Anh (cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) đạt trình độ B1: trên 90%.

d) Số học sinh có kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin: tin học văn phòng, sử dụng web, kỹ năng giao tiếp trên mạng: 100%, trong đó có 70% đạt chuẩn quốc tế theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

đ) Số học sinh tham gia các hoạt động học tập gắn với thực tiễn cuộc sống (tham gia các hoạt động dạy học tích cực, dạy học theo dự án, nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống...): trên 90%.

e) Số học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng (tham gia các đội công tác xã hội, các câu lạc bộ đội, nhóm về văn hóa nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, ...), thường xuyên tham gia rèn luyện về thể dục thể thao: trên 90%.

2. Các hoạt động giáo dục

a) Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời gian tổ chức, nội dung các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài giờ lên lớp;

b) Tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh, dạy tăng cường Tin học, dạy Toán và Khoa học bằng tiếng Anh theo chương trình chuẩn của quốc tế, học sinh có thể tham gia thi kiểm tra trình độ theo chứng chỉ có giá trị quốc tế;

c) Tổ chức các hoạt động dạy học gắn với thực tiễn cuộc sống: triển khai các

phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo viên và học sinh...;

d) Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện: giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức và hòa nhập với cộng đồng, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh, ...

đ) Tổ chức Phòng tư vấn học đường, nhân sự của phòng có nghiệp vụ chuyên môn, duy trì hoạt động của phòng thường xuyên và có hiệu quả;

e) Có kế hoạch tổ chức, triển khai và duy trì phong trào xây dựng Trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Tiêu chuẩn 4: Tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

1. Thực hiện quy định công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, quản lý tài chính, tài sản, tự chủ tài chính, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ của nhà trường theo qui định hiện hành.

Thực hiện thu, chi tài chính và công khai đầy đủ theo các quy định hiện hành.

2. Khuôn viên nhà trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp. Diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

a) Các trường khu vực nội thành có diện tích sử dụng ít nhất từ 4 m²/học sinh;

b) Các trường khu vực ngoại thành có diện tích sử dụng ít nhất từ 8 m²/học sinh;

3. Có đầy đủ cơ sở vật chất theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học. Cơ cấu các khối công trình trong trường bao gồm:

a) Khu phòng học:

- Có đủ số phòng học cho mỗi lớp học; diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đúng quy cách; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn, có đủ không gian để thực hiện các loại hình hoạt động và học tập;

- Phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu và màn hình (hoặc tivi LCD, tivi plasma); máy vi tính nối mạng, máy in. Mỗi phòng học được trang bị tủ lớn đảm bảo mỗi học sinh một ngăn để đựng dụng cụ học tập cá nhân.

b) Khu phục vụ học tập:

- Có đầy đủ các phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Quy định về phòng học bộ môn; phòng thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm với đầy đủ trang thiết bị dạy học;

- Có kế hoạch trang bị dần các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu: xây dựng phòng học ngoại ngữ và các phòng học bộ môn khác; trang bị các bộ thực hành thí nghiệm về khoa học kỹ thuật có các thiết bị sensor và hệ thống kết nối, xử lý bằng máy vi tính; phòng thực hành khoa học kỹ thuật cho hoạt động nghiên cứu khoa học;

- Có phòng y tế trường học đảm bảo theo quy định hiện hành;

- Có thư viện theo tiêu chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện trường học, xây dựng thêm thư viện sách, báo, tạp chí bằng tiếng Anh, phát triển nguồn tư liệu điện tử đáp ứng yêu cầu tham khảo của giáo viên và học sinh;

- Có phòng truyền thống; hội trường lớn; khu luyện tập thể dục thể thao; nhà thi đấu đa năng; phòng làm việc của đoàn thể; khu vực cho các hoạt động giáo dục thẩm mỹ (nhạc, họa, nhiếp ảnh, điêu khắc, nặn tượng...);

c) Khu văn phòng: Có phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, văn phòng nhà trường, phòng họp hội đồng giáo dục nhà trường, phòng họp từng tổ bộ môn, phòng thường trực, kho;

d) Khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây xanh bóng mát;

đ) Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, riêng cho giáo viên, học sinh nam, học sinh nữ, không làm ô nhiễm môi trường ở trong và ngoài nhà trường;

e) Có khu để xe của giáo viên, khu để xe của học sinh theo từng khối lớp hoặc từng lớp trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo trật tự, an toàn;

g) Có đủ nước sạch cho các hoạt động dạy học, nước sử dụng cho giáo viên, học sinh; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh;

h) Có đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy đúng quy cách, được cơ quan chức năng kiểm định và thường xuyên bảo trì, kiểm tra theo quy định;

i) Đảm bảo được nhu cầu về ăn, ở cho học sinh bán trú.

4. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có website thông tin của nhà trường trên mạng internet và hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý nhà trường.

Tiêu chuẩn 5: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

1. Nhà trường chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương thực hiện những biện pháp nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

2. Ban đại diện Cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh, hoạt động có hiệu quả trong việc kết hợp với nhà trường và xã hội đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm duy trì, giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt được của nhà trường.

3. Mọi quan hệ và thông tin giữa nhà trường, gia đình và xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

4. Huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường.

5. GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức trung tâm**

1. Lớp học: Mỗi lớp có không quá 35 học viên.

2. Có đủ các tổ nhóm chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định.

3. Các tổ chức đoàn thể

a) Tổ chức Đảng phải đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

b) Các đoàn thể được công nhận vững mạnh xuất sắc.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1. Giám đốc và các Phó Giám đốc đạt chuẩn; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của trung tâm; được cấp quản lý giáo dục trực tiếp đánh giá xếp loại từ khá trở lên.

2. Có đủ giáo viên các bộ môn và 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó ít nhất có 10% giáo viên đạt trên chuẩn. Có 30% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp cơ sở trở lên.

3. Có đủ giáo viên hoặc viên chức phụ trách thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học được đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chuẩn 3: Chất lượng giáo dục

1. Tỷ lệ học viên bỏ học và lưu ban hàng năm không quá 6%, trong đó tỷ lệ học viên bỏ học không quá 2%.

2. Chất lượng giáo dục:

a) Học lực:

- Xếp loại giỏi đạt từ 3% trở lên;
- Xếp loại khá đạt từ 25% trở lên;
- Xếp loại yếu, kém không quá 10%.

b) Hạnh kiểm:

- Xếp loại khá, tốt đạt từ 60% trở lên.
- Xếp loại yếu không quá 5%.

c) Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông luôn cao hơn tỉ lệ bình quân của thành phố và có từ 25% học viên đậu vào các trường cao đẳng, đại học.

3. Các hoạt động giáo dục: được đánh giá xếp loại tốt về tiêu chuẩn xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

4. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong công tác chống mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, phổ cập giáo dục; đa dạng hóa các hoạt động theo hướng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân địa phương, góp phần xây dựng xã hội học tập; hỗ trợ tốt về chuyên môn cho các trung tâm học tập cộng đồng.

5. Được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn từ cấp độ 2 trở lên về chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở vật chất và thiết bị

1. Trung tâm có khuôn viên riêng biệt, có tường rào, cổng và biển trung tâm, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện. Diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

2. Có đầy đủ cơ sở vật chất gồm:

a) Khu phòng học, khu phục vụ học tập:

- Có đủ số phòng học cho mỗi lớp học; diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đúng quy cách hiện hành; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn;

- Có phòng y tế trường học, bộ phận tư vấn học đường;

- Có thư viện đạt tiêu chuẩn, phòng thí nghiệm và đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học các bộ môn.

b) Khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây bóng mát.

c) Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, riêng cho giáo viên, học viên nam, học viên nữ, không làm ô nhiễm môi trường ở trong và ngoài trung tâm.

3. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có website thông tin trên mạng internet hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý trung tâm.

Tiêu chuẩn 5: Công tác xã hội hoá giáo dục

1. Trung tâm chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

2. Ban đại diện Cha mẹ học viên được thành lập và hoạt động theo đúng quy chế hiện hành, hoạt động có hiệu quả trong việc kết hợp với trung tâm và xã hội để giáo dục học viên.

3. Mọi quan hệ và thông tin giữa trung tâm, gia đình và xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội xâm nhập vào trung tâm.

4. Huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện nâng cao hiệu quả giáo dục của trung tâm.

5. Thực hiện đúng các qui định về công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ của trung tâm theo đúng quy định hiện hành.

6. TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Tiêu chuẩn 1: Quản trị nhà trường

1. Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường Trung cấp chuyên nghiệp.

2. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

Tiêu chuẩn 2: Ngành đào tạo và chương trình đào tạo

1. Trên 75% ngành đào tạo có chương trình đạt chuẩn kiểm định chất lượng; 100% ngành đào tạo có chương trình được tham vấn từ Doanh nghiệp; trong đó 30%

ngành đào tạo trọng điểm có chương trình đạt chuẩn các nước tiên tiến khu vực hoặc được các tổ chức Giáo dục các nước tiên tiến khu vực thừa nhận.

2. 100% ngành được phép đào tạo từ 3 năm trở lên có quy mô trên 200 học sinh.

3. 100% ngành đào tạo được cập nhật và điều chỉnh theo chu kỳ 2 năm/1 lần.

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ Giảng viên

1. Có đội ngũ giảng viên đúng quy định hiện hành.

2. Có giảng viên cơ hữu (các học phần cơ sở và chuyên ngành) đảm bảo tỉ lệ Giảng viên/học sinh = 1/25.

3. Trình độ đội ngũ giảng viên đảm bảo:

a) 100% có trình độ chuyên môn Đại học chuyên ngành, trong đó có 10% trình độ thạc sĩ chuyên ngành trở lên;

b) 100% có nghiệp vụ sư phạm;

c) 100% giảng viên chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ C1 trong đó có 20% đạt trình độ C2 theo khung tham chiếu Châu Âu;

d) 100% giảng viên chuyên ngành đạt trình độ B1 trong đó có 50% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu;

e) 100% giảng viên không chuyên ngành công nghệ thông tin đạt trình độ Tin học IC3 (hoặc tương đương).

Tiêu chuẩn 4: Học sinh

1. Đảm bảo việc làm sau tốt nghiệp:

a) Đạt 75% học sinh tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo trong 6 tháng;

b) Đạt 90% học sinh các ngành đào tạo trọng điểm tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo trong 6 tháng.

2. Đảm bảo năng lực sau tốt nghiệp:

a) Kỹ năng chuyên môn theo ngành đào tạo đạt chuẩn đầu ra;

b) Năng lực ngoại ngữ: học sinh chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ B1 trong đó có 50% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu; học sinh chuyên ngành đạt trình độ A2 trong đó có 30% đạt trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu;

c) Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin: có chứng chỉ IC3 trở lên;

d) Kỹ năng cơ bản: Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng lập kế hoạch; Kỹ năng quản lý thời gian...

3. Đảm bảo giáo dục đạo đức nghề nghiệp, lối sống.

4. 100% học sinh tham gia hoạt động Văn - Thể - Mỹ, công tác xã hội.

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở vật chất - Trang thiết bị

1. Thư viện:

a) Hoạt động với số lượt người/tháng = quy mô học sinh của trường;

b) Có sách, tạp chí chuyên ngành trong nước và ngoài nước;

c) Có Thư viện điện tử;

2. Hạ tầng công nghệ thông tin:

a) Đảm bảo cung cấp hệ thống mạng và mạng không dây (wireless);

b) Có website của trường;

c) Có các phần mềm cơ bản: Quản lý Giảng dạy và học tập; Quản lý nhân sự; Quản lý Tài chính - Tài sản.

3. Đảm bảo diện tích sàn xây dựng sở hữu của trường phục vụ cho đào tạo: 1.5 m²/học sinh.

4. Có khu vực học sinh tự học.

5. Có khu vực học sinh hoạt động Văn - Thể - Mỹ và sinh hoạt.

6. Đảm bảo hệ thống xưởng thực hành, thực tập; phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu tương ứng ngành đào tạo theo quy định.

Tiêu chuẩn 6: Tài chính và quản lý tài chính

1. Ngân sách hoạt động của trường được huy động từ nhiều nguồn, được phân bổ hợp lý và thực hiện công khai theo quy định bao gồm hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển.

a) Đối với trường công lập:

- Nguồn kinh phí nhà nước cấp;

- Các nguồn thu hợp pháp khác đạt tối thiểu 40%.

b) Đối với trường ngoài công lập:

- Các nguồn thu hợp pháp theo quy định.

2. Đảm bảo thực hiện kiểm toán hàng năm.

Tiêu chuẩn 7: Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Đảm bảo điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học trong đội ngũ cán bộ, giảng viên và học sinh.

2. 50% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp Phòng - Khoa, đơn vị trực thuộc trường, trong đó 20% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp trường, 30% đề tài nghiên cứu được ứng dụng thực tiễn và được đánh giá tốt.

3. Có ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao hơn trường/năm và được nghiệm thu.

4. Có ít nhất 2 Hội thảo khoa học từ cấp Trường trở lên/năm.

Tiêu chuẩn 8: Quan hệ hợp tác

1. Với địa phương nơi trường trú đóng.

2. Với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài nước.

3. Với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

7. CAO ĐẲNG

Tiêu chuẩn 1: Quản trị nhà trường

1. Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường Cao đẳng.

2. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

Tiêu chuẩn 2: Ngành đào tạo và chương trình đào tạo

1. Trên 75% ngành đào tạo có chương trình đạt chuẩn kiểm định chất lượng; 100% ngành đào tạo có chương trình được tham vấn từ doanh nghiệp; trong đó 30% ngành đào tạo trọng điểm có chương trình đạt chuẩn các nước tiên tiến khu vực ASEAN, quốc tế hoặc được các tổ chức giáo dục các nước tiên tiến khu vực ASEAN, quốc tế thừa nhận

2. 100% ngành được phép đào tạo từ 3 năm trở lên có quy mô trên 300 sinh viên.

3. 100% chương trình đào tạo được tổ chức theo Học chế Tín chỉ.

4. 100% chương trình đào tạo được cập nhật và điều chỉnh theo chu kỳ 3 năm/1 lần.

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ giảng viên

1. Có đội ngũ giảng viên đúng quy định hiện hành.
2. Có giảng viên cơ hữu (các học phần cơ sở và chuyên ngành) đảm bảo tỉ lệ giảng viên /sinh viên = 1/25.
3. Trình độ đội ngũ giảng viên đảm bảo:
 - a) 100% giảng viên có trình độ chuyên môn là Thạc sỹ chuyên ngành trong đó có 4% đạt trình độ tiến sĩ;
 - b) 100% giảng viên có nghiệp vụ sư phạm;
 - c) 100% giảng viên chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ C1 trong đó có 30% đạt trình độ C2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
 - d) 100% giảng viên chuyên ngành đạt trình độ B1 trong đó có 50% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
 - đ) 100% giảng viên không chuyên ngành công nghệ thông tin có chứng chỉ Tin học IC3 (hoặc tương đương).

Tiêu chuẩn 4: Sinh viên

1. Đảm bảo việc làm sau tốt nghiệp:
 - a) Đạt 75% sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo trong 6 tháng;
 - b) Đạt 90% sinh viên các ngành đào tạo trọng điểm tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành trong 6 tháng.
2. Đảm bảo năng lực sau tốt nghiệp:
 - a) Kỹ năng chuyên môn: đạt chuẩn đầu ra theo ngành đào tạo;
 - b) Năng lực ngoại ngữ: sinh viên chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ B2 trong đó có 50% đạt trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu; sinh viên chuyên ngành đạt trình độ B1 trong đó có 30% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
 - c) Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin: có chứng chỉ IC3 trở lên;
 - d) Kỹ năng cơ bản: Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng lập kế hoạch; Kỹ năng quản lý thời gian...
3. Đảm bảo giáo dục đạo đức nghề nghiệp, lối sống.
4. 100% sinh viên tham gia hoạt động Văn - Thể - Mỹ, công tác xã hội.

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở vật chất - Trang thiết bị

1. Thư viện:

- a) Hoạt động với số lượt người/tháng nhiều hơn quy mô sinh viên của trường;
- b) Có sách, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước;
- c) Có Thư viện điện tử.

2. Đảm bảo diện tích sàn xây dựng sở hữu của trường phục vụ cho đào tạo: 2m²/sinh viên.

3. Có khu vực sinh viên tự học.

4. Có khu vực sinh viên hoạt động Văn - Thể - Mỹ và sinh hoạt.

5. Đảm bảo hệ thống xưởng thực hành, thực tập; phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu tương ứng ngành đào tạo theo quy định.

Tiêu chuẩn 6: Tài chính và quản lý tài chính

1. Ngân sách hoạt động của trường được huy động từ nhiều nguồn, được phân bổ hợp lý và thực hiện công khai theo quy định bao gồm hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển.

a) Đối với trường công lập:

- Nguồn kinh phí nhà nước cấp;
- Các nguồn thu hợp pháp khác đạt tối thiểu 40%.

b) Đối với trường ngoài công lập:

- Các nguồn thu hợp pháp theo quy định.

2. Đảm bảo thực hiện kiểm toán hàng năm

Tiêu chuẩn 7: Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Đảm bảo điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học trong đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên.

2. 100% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp Phòng - Khoa, đơn vị trực thuộc trường, trong đó 30% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp trường, 50% đề tài nghiên cứu được ứng dụng thực tiễn và được đánh giá tốt.

3. Có ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao hơn trường/năm và được nghiệm thu.

4. Có ít nhất 3 Hội thảo khoa học cấp Trường, Thành phố/năm.
5. Có ít nhất 1 Hội thảo Khoa học quốc gia/năm.
6. Có ít nhất 2 đề tài nghiên cứu của sinh viên/khoá học.

Tiêu chuẩn 8: Quan hệ hợp tác

1. Với địa phương nơi trường trú đóng.
2. Với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài nước.
3. Với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6675/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 19 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Phòng Tư pháp quận tại Tờ trình số 137/TTr-TP ngày 17 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 3498/2005/QĐ-UB ngày 04 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án Chương trình hỗ trợ lãi vay cho hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn quận Bình Tân. Lý do bãi bỏ: vì không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng